

Tổng quan về văn bản pháp lý “hoạt động tôn giáo” tại Việt Nam

ISSN: 2734-9195 09:09 14/04/2025

“Hoạt động tôn giáo” không chỉ đơn thuần là các hành động tôn kính, thờ phụng mà còn bao gồm một hệ thống các hành vi, nghi lễ và trách nhiệm xã hội, thể hiện sự liên kết giữa tôn giáo và đời sống xã hội.

Tác giả: **Trần Lê Đình Hiếu**
LB, MBA, NCS TS Học viện PGVN tại Tp.HCM

1. Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016)

Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 18 tháng 11 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Đây là văn bản pháp lý quan trọng quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và các hoạt động liên quan. Luật này được xây dựng với mục tiêu bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân trong các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời đảm bảo sự quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo.

Một số nội dung chính trong Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo:

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo: Mọi công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Quản lý hoạt động tôn giáo: Nhà nước thực hiện quyền giám sát và quản lý các hoạt động tôn giáo, bảo đảm các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng pháp luật.

Quyền của tổ chức tôn giáo: Các tổ chức tôn giáo có quyền hoạt động tôn giáo, giáo dục, hỗ trợ nhân đạo, và phát triển cộng đồng.

Hoạt động tôn giáo: Các hoạt động tôn giáo, bao gồm lễ hội, nghi lễ, đào tạo tôn giáo, phải tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Nghị định và Thông tư liên quan

Ngoài Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo, một số nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật này cũng rất quan trọng để cụ thể hóa các quy định pháp lý:

2.1 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP: Quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của các tổ chức tôn giáo và các cơ sở tôn giáo. Mục đích: Quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của các tổ chức tôn giáo và các cơ sở tôn giáo, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng và cụ thể để quản lý và điều chỉnh các hoạt động tôn giáo tại Việt Nam. Các nội dung chính:

Thành lập tổ chức tôn giáo: Tổ chức tôn giáo phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện, bao gồm có hệ thống giáo lý, giáo sĩ, cơ sở tôn giáo, tổ chức và quản lý chặt chẽ. Cần có ít nhất 10 tổ chức tín đồ tôn giáo ở các tỉnh thành khác nhau để thành lập một tổ chức tôn giáo chính thức.

Hoạt động tôn giáo: Các hoạt động tôn giáo phải tuân thủ pháp luật và phải đăng ký với cơ quan nhà nước. Các hoạt động như xây dựng cơ sở thờ tự, tổ chức lễ hội tôn giáo, đào tạo tôn giáo phải được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo không vi phạm pháp luật.

Quản lý cơ sở tôn giáo: Các cơ sở tôn giáo cần thực hiện các quy định về đất đai, tài chính và các hoạt động tôn giáo. Việc cấp phép xây dựng, cải tạo cơ sở tôn giáo phải được cơ quan nhà nước cấp phép.

2.2 Nghị định số 92/2012/NĐ-CP: Quy định về quản lý tổ chức tôn giáo, hoạt động của các cơ sở tôn giáo. Mục đích: Quy định chi tiết về việc thành lập, tổ chức và quản lý các hoạt động tôn giáo tại Việt Nam. Các nội dung chính:

Công nhận tổ chức tôn giáo: Nghị định quy định rõ các yêu cầu để công nhận một tổ chức tôn giáo tại Việt Nam, bao gồm các điều kiện về tổ chức, giáo lý và hoạt động tín ngưỡng.

Quản lý hoạt động tôn giáo: Tổ chức tôn giáo có quyền tổ chức các hoạt động tôn giáo, nhưng phải tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội và không xâm phạm quyền lợi của các tổ chức và cá nhân khác.

2.3 Nghị định số 56/2005/NĐ-CP: Quy định về chế độ đối với chức sắc, chức việc tôn giáo và người tu hành. Mục đích: Nghị định này điều chỉnh chế độ, chính sách đối với các chức sắc, chức việc tôn giáo và người tu hành. Các nội dung chính:

Chế độ đãi ngộ đối với chức sắc tôn giáo: Nghị định quy định các chế độ đãi ngộ cho chức sắc tôn giáo bao gồm lương, trợ cấp, bảo hiểm xã hội và các

quyền lợi khác.

Chế độ học tập và đào tạo: Chức sắc tôn giáo có quyền tham gia các chương trình đào tạo, học hỏi về giáo lý, pháp luật và các hoạt động xã hội khác để nâng cao năng lực quản lý tôn giáo.

Điều kiện làm việc: Các chức sắc tôn giáo phải tuân thủ quy định về hành nghề, có trình độ và năng lực phù hợp với vai trò trong tổ chức tôn giáo.

2.4 Nghị định số 74/2013/NĐ-CP: Quy định về hoạt động giáo dục trong các cơ sở tôn giáo. Mục đích: Đưa ra các quy định liên quan đến việc giáo dục và đào tạo trong các cơ sở tôn giáo tại Việt Nam. Các nội dung chính:

Quyền tự chủ trong giáo dục tôn giáo: Các cơ sở tôn giáo có quyền tổ chức giảng dạy các môn học liên quan đến tín ngưỡng và giáo lý của tôn giáo mình, nhưng phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

Chương trình giáo dục: Các chương trình giảng dạy trong cơ sở tôn giáo phải được phê duyệt và có sự kiểm tra của cơ quan nhà nước để đảm bảo tính hợp pháp và không vi phạm các quy định về giáo dục, văn hóa.

Giáo viên tôn giáo: Các giáo viên tại các cơ sở tôn giáo phải có trình độ chuyên môn và đạo đức phù hợp với yêu cầu của giáo lý tôn giáo và pháp luật Việt Nam.

2.5 Nghị định số 26/2005/NĐ-CP: Quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trong lĩnh vực công tác từ thiện

Mục đích: Quy định các quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trong hoạt động từ thiện, nhân đạo. Các nội dung chính:

Hoạt động từ thiện của tổ chức tôn giáo: Các tổ chức tôn giáo có quyền thực hiện các hoạt động từ thiện, nhân đạo như quyên góp, cứu trợ, hỗ trợ người nghèo, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế trong xã hội.

Chế độ giám sát hoạt động từ thiện: Các hoạt động từ thiện phải được giám sát bởi cơ quan nhà nước để đảm bảo hoạt động minh bạch, hợp pháp và không lợi dụng để trục lợi.

Hợp tác với các tổ chức khác: Các tổ chức tôn giáo có thể hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức xã hội trong các chương trình từ thiện, nhưng phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

Thông tư số 26/2013/TT-BTC: Quy định về hoạt động tài chính của các tổ chức tôn giáo, điều chỉnh các vấn đề tài chính liên quan đến hoạt động tôn giáo.

Thông tư số 47/2011/TT-BNG: Quy định về hoạt động đối ngoại của các tổ chức tôn giáo Việt Nam.

Quyết định số 1189/QĐ-TTg: Quyết định về việc xác định các chương trình, kế hoạch phát triển tôn giáo trong các giai đoạn.

Dự thảo các chính sách liên quan đến tôn giáo: Thường xuyên có các văn bản dự thảo để cập nhật, thay đổi các quy định về quản lý tôn giáo.

Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các vấn đề tôn giáo: Cung cấp các chỉ đạo cụ thể cho các cấp, các ngành thực thi pháp luật về tôn giáo.



Ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

3. Tổng quan về “Hoạt động tôn giáo” tại Việt Nam

3.1 Trích dẫn từ Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016)

Điều 9. Hoạt động tôn giáo

“Các tổ chức tôn giáo có quyền tổ chức các hoạt động tôn giáo theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mình, trong phạm vi pháp luật cho phép”

Điều 24. Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo

“Tổ chức tôn giáo có quyền tổ chức các hoạt động tôn giáo của mình tại cơ sở tôn giáo, tổ chức các hoạt động từ thiện, nhân đạo, giáo dục và đào tạo theo giáo lý của tôn giáo mình”

Điều 27. Giám sát hoạt động tôn giáo

“Nhà nước thực hiện giám sát các hoạt động tôn giáo của các tổ chức tôn giáo để đảm bảo các hoạt động này tuân thủ pháp luật”

3.2 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP: Quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của các tổ chức tôn giáo và các cơ sở tôn giáo

Điều 8. Quy định về hoạt động tôn giáo

“Tổ chức tôn giáo có quyền tổ chức hoạt động tôn giáo trong phạm vi pháp luật cho phép, bao gồm các hoạt động thờ cúng, lễ hội, giảng dạy tín đồ, tổ chức các hoạt động từ thiện, nhân đạo và các hoạt động khác phù hợp với giáo lý của tôn giáo”

Điều 14. Quản lý và giám sát hoạt động tôn giáo

“Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm giám sát các hoạt động tôn giáo để đảm bảo việc tổ chức và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đặc biệt là trong các cơ sở tôn giáo, các lễ hội tôn giáo”

3.3 Nghị định số 92/2012/NĐ-CP: Quy định về quản lý tổ chức tôn giáo, hoạt động của các cơ sở tôn giáo

Điều 5. Quy định về các tổ chức tôn giáo

“Tổ chức tôn giáo có quyền tổ chức các hoạt động tôn giáo bao gồm lễ hội, giảng dạy, nghiên cứu, thực hành tín ngưỡng theo giáo lý của tôn giáo mình, nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật”

Điều 9. Quản lý hoạt động tôn giáo

“Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo, đảm bảo các hoạt động này không vi phạm pháp luật và không gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an ninh xã hội.”

3.4 Nghị định số 56/2005/NĐ-CP: Quy định về chế độ đối với chức sắc, chức việc tôn giáo và người tu hành

Điều 12. Quyền lợi và nghĩa vụ của người tu hành

“Người tu hành có quyền tham gia vào các hoạt động tôn giáo trong phạm vi tôn giáo của mình, bao gồm tham gia vào các nghi lễ, thờ cúng, giảng dạy và các hoạt động khác liên quan đến tín ngưỡng”

3.5 Nghị định số 74/2013/NĐ-CP: Quy định về hoạt động giáo dục trong các cơ sở tôn giáo

Điều 3. Quyền tổ chức giáo dục của cơ sở tôn giáo

“Các cơ sở tôn giáo có quyền tổ chức các chương trình giáo dục tôn giáo, trong đó bao gồm các hoạt động tôn giáo liên quan đến giáo lý, tín ngưỡng và đạo đức, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”

Điều 6. Giám sát và kiểm tra hoạt động tôn giáo trong giáo dục

“Các hoạt động tôn giáo trong các cơ sở tôn giáo phải được giám sát chặt chẽ để đảm bảo không vi phạm pháp luật và không ảnh hưởng đến trật tự, an ninh xã hội”

4. Nhận định về khái niệm “Hoạt động tôn giáo”

Khái niệm “*hoạt động tôn giáo*” đóng vai trò quan trọng trong việc hiểu và áp dụng các quy định pháp lý liên quan đến quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo tại Việt Nam. Từ góc độ pháp lý, “*hoạt động tôn giáo*” không chỉ phản ánh các thực hành tín ngưỡng, nghi lễ tôn giáo mà còn liên quan đến các quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo, cá nhân trong quá trình thực hành và tổ chức các hoạt động tôn giáo của mình. Bài viết này sẽ phân tích khái niệm “*hoạt động tôn giáo*” theo các góc độ pháp lý, tôn giáo học, và xã hội học, đồng thời trích dẫn và diễn giải các quy định pháp lý hiện hành để cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm này.

Theo Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016, “*hoạt động tôn giáo*” được định nghĩa là tất cả các hành vi và công việc mà tổ chức tôn giáo và cá nhân thực hiện trong quá trình thực hành, duy trì và phát triển tín ngưỡng tôn giáo của mình, bao gồm việc tổ chức lễ hội, giảng dạy giáo lý, thực hành thờ cúng, từ thiện nhân đạo, và các hoạt động khác phù hợp với giáo lý của tôn giáo đó. Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo cũng xác định quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân, trong đó có quyền tham gia hoặc không tham gia vào các hoạt động tôn giáo, và quyền tổ chức các hoạt động tôn giáo theo giáo lý của tôn giáo mình (Điều 5, Điều 9, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016).

Các quy định này không chỉ bảo vệ quyền lợi của các tổ chức tôn giáo mà còn yêu cầu các hoạt động này phải tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo

không vi phạm trật tự, an ninh xã hội và các quyền lợi của người khác. Điều này thể hiện rõ qua các yêu cầu như việc cơ quan quản lý nhà nước cấp phép cho các cơ sở tôn giáo, giám sát các hoạt động của các tổ chức tôn giáo, và các quy định về xây dựng cơ sở thờ tự.

Việc định nghĩa “*hoạt động tôn giáo*” trong Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo phản ánh sự thừa nhận của Nhà nước đối với các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân trong phạm vi hoạt động của các tổ chức tôn giáo. Tuy nhiên, sự giám sát và quản lý của nhà nước cũng cho thấy hoạt động tôn giáo không phải là một không gian hoàn toàn tự do mà còn phải tuân thủ các quy định chung của xã hội.

Trong Phật giáo, “*hoạt động tôn giáo*” bao gồm tất cả các hình thức thực hành giáo lý và giáo dục mà Phật tử thực hiện để đạt được giác ngộ, bao gồm thiền định, tụng kinh, niệm Phật, lễ hội tôn giáo, và thực hành lòng từ bi, từ thiện. Các hoạt động này không chỉ được tổ chức trong các cơ sở thờ tự như chùa, mà còn có thể được thực hiện trong các cộng đồng Phật tử, thậm chí ngay tại gia đình. Phật giáo coi trọng việc thực hành giáo lý trong đời sống hàng ngày, thông qua các hoạt động đạo đức và từ thiện.

“*Hoạt động tôn giáo*” trong Phật giáo không chỉ là việc tham gia vào các nghi lễ và lễ hội mà còn liên quan đến việc áp dụng các giáo lý vào cuộc sống hàng ngày. Điều này phản ánh sự liên kết mật thiết giữa tôn giáo và đời sống, không chỉ trong phạm vi hành động cá nhân mà còn trong việc phát triển cộng đồng và xã hội.

Từ góc độ xã hội học, “*hoạt động tôn giáo*” không chỉ là các hành vi cá nhân mà còn bao gồm các hoạt động có tính chất xã hội như tổ chức lễ hội, các cuộc họp mặt tôn giáo, các hoạt động từ thiện, và giáo dục. Những hoạt động này có ảnh hưởng sâu rộng đến cấu trúc xã hội, góp phần duy trì và củng cố các giá trị tôn giáo trong xã hội.

Cụ thể, các hoạt động tôn giáo có thể tạo ra các mối quan hệ xã hội mạnh mẽ trong cộng đồng tôn giáo, đồng thời tạo cơ hội cho các thành viên trong cộng đồng tôn giáo tham gia vào các hoạt động nhân đạo và từ thiện. Hoạt động tôn giáo có thể được xem như một hình thức xây dựng cộng đồng và phát triển mối quan hệ xã hội. Những hành động này không chỉ hướng tới mục tiêu cá nhân mà còn nhắm đến mục tiêu phục vụ lợi ích chung, bảo vệ các giá trị đạo đức và xã hội, giúp đỡ những người kém may mắn.

Việc quản lý “*hoạt động tôn giáo*” là một vấn đề phức tạp và có tính tế nhị trong nhiều quốc gia, bao gồm Việt Nam. Nhà nước yêu cầu các tổ chức tôn

giáo phải thực hiện các hoạt động của mình trong khuôn khổ pháp luật. Điều này bao gồm việc cấp phép hoạt động cho các cơ sở tôn giáo, giám sát các hoạt động tôn giáo để đảm bảo rằng không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo không có nghĩa là can thiệp trực tiếp vào các nghi lễ hay giáo lý tôn giáo, mà chủ yếu là bảo vệ quyền lợi công dân và duy trì trật tự xã hội. Điều này cho thấy mối quan hệ giữa tự do tín ngưỡng và các giới hạn do pháp luật đặt ra để đảm bảo sự hòa hợp xã hội.

Các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm không chỉ trong việc duy trì các hoạt động tôn giáo mà còn phải đóng góp vào các hoạt động xã hội như từ thiện, nhân đạo, và phát triển cộng đồng. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các tổ chức tôn giáo ngày nay không chỉ là những nơi thờ tự mà còn là những tổ chức xã hội có ảnh hưởng lớn.

Trách nhiệm của các tổ chức tôn giáo trong hoạt động tôn giáo không chỉ giới hạn trong việc tổ chức các lễ hội, nghi lễ mà còn phải góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên, và tham gia vào các hoạt động từ thiện, xã hội.

5. Kết luận

“Hoạt động tôn giáo” không chỉ đơn thuần là các hành động tôn kính, thờ phụng mà còn bao gồm một hệ thống các hành vi, nghi lễ và trách nhiệm xã hội, thể hiện sự liên kết giữa tôn giáo và đời sống xã hội. Trong bối cảnh Việt Nam, với hệ thống pháp lý và quản lý nhà nước rõ ràng về tôn giáo, *“hoạt động tôn giáo”* không chỉ là quyền tự do cá nhân mà còn là trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

Việc thực hiện các hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của các tổ chức tôn giáo mà còn bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội.

Tác giả: **Trần Lê Đình Hiếu**

LB, MBA, NCS TS Học viện PGVN tại Tp.HCM